

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-02-2023

V/v ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Sở

2/ Ông Lê Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 10/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 269/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Võ Minh H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: số 98/1 khu phố 8, thị trấn B, huyện B1, tỉnh Long An.

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 8/2/11 đường C, phường 5, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Minh H trình bày:

Về hôn nhân: ông và bà C chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống hạnh phúc được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tình tình không hòa hợp nên ông và bà C thường gây gổ, nhiều lần tranh cãi với nhau vì vậy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau như trước đây, thực tế vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Ông nhận thấy quan hệ hôn nhân không đi đến kết quả tốt đẹp, cơ hội để hàn gắn là không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà C.

Về con chung: vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Võ Minh D, sinh ngày 28/10/2011, hiện nay đang sống cùng với bà C. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng C vắng mặt tại phiên tòa, không có bản tự khai nội dung sự việc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà C biết Tòa án có thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của ông H theo quy định pháp luật, nhưng bà C không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc ông H xin ly hôn.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung:

Ông Võ Minh H và bà Nguyễn Thị Hồng C sau thời gian tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND thị trấn B, huyện B1, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hiện tại, nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà C.

Bà Nguyễn Thị Hồng C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để báo cho bà C biết ông H đang có yêu cầu ly hôn đối với bà, cho thấy bà C không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với ông H. Do đó xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà C đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà C theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Võ Minh D, sinh ngày 28/10/2011, hiện đang sống với bà C, ông H yêu cầu bà C nuôi con chung và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Xét thấy, bà C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có lời khai thể hiện ý kiến của bà về việc nuôi con chung chưa thành niên nhưng cháu D hiện nay đang sống với bà C. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định và phát triển mọi mặt của cháu nên giao cháu D cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó có căn cứ chấp nhận giao con chung cho bà C nuôi dưỡng phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Cấp dưỡng con chung: với mức 1.000.000đ/tháng phù hợp theo quy định tại Điều 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền: Ông Võ Minh H có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng C. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án nhân dân thành phố T, Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

1.2. Về xét xử vắng mặt đương sự:

Đối với nguyên đơn: Ngày 02/12/2022 ông Võ Minh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Tòa án nhân dân thành phố T, Long An đã tiến hành đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định cho bà Nguyễn Thị Hồng C nhưng bà C vẫn vắng mặt.

Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Võ Minh H và bà Nguyễn Thị Hồng C có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B1, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết

hôn vào ngày 20/05/2011 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ khi có tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà C. Trong thời gian thu thập chứng cứ, Tòa án có tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của ông H và bà C tại nơi đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B1, tỉnh Long An nhưng Ủy ban nhân dân thị trấn B không cung cấp được cho Tòa án, đối với Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố T cũng không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn của ông H và bà C.

Về phía bà C, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, bà C cố tình không đến tham gia tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà C đến Tòa án tham gia hòa giải theo quy định Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà C vẫn không đến Tòa án. Như vậy phía bà C không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn thiết tha về quan hệ tình cảm với ông H nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa ông H và bà C không còn, tình trạng vợ chồng giữa ông H và bà C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Trong quá trình chung sống, ông H và bà C có 01 con chung tên Võ Minh D, sinh ngày 28/10/2011, hiện nay đang ở cùng với bà C. Khi ly hôn, ông H đồng ý giao con cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, vì vậy giao cho bà C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng: ghi nhận sự tự nguyện của ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Ông H và bà C có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: ông H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Minh H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Võ Minh H đối với bà Nguyễn Thị Hồng C.

1. Về hôn nhân: Cho ông Võ Minh H ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng C.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Võ Minh D, sinh ngày 28/10/2011 cho bà Nguyễn Thị Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Võ Minh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ (một triệu đồng/một tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con thực hiện theo quy định tại các Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ông Võ Minh H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bản án không đề cập.

4. Về án phí:

Ông Võ Minh H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001909 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An. Ông H phải nộp thêm số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TP Tân An;
- CC.THADS TP Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Kim Loan

